

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022.

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Lê Quang Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Huỳnh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số nhà 549, đường C tổ 80, khóm M, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số nhà 36/3, đường N, tổ 44, Khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Huỳnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Nguyễn Văn T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên anh T bỏ địa phương đi từ tháng 6/2017 đến nay không có trở về, không liên lạc với gia đình. Trong thời gian anh T bỏ đi, chị T đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với anh T nhưng vẫn không có tin tức gì của anh T. Sau đó, chị T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích. Ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết yêu cầu của chị T bằng quyết định giải quyết việc dân sự số 30/QĐST – VDS, Tuyên bố: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ cư trú cuối cùng tại số 36/3, đường N, tổ 44, Khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mất tích.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, có nơi cư trú cuối cùng tại số 36/3, đường N, tổ 44, Khóm 3, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã mất tích theo quyết định của Tòa án.

Về con chung: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 18/4/2013. Tại phiên tòa, chị T trình bày hiện tại không biết cháu D và anh T đang ở đâu và anh T đã mất tích theo Quyết định của Tòa án nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung vì khi anh Tr bỏ đi có dẫn theo cháu D đi cùng. Trong trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về nuôi con thì chị T sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2021/QĐST-VDS, ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Phường 2, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T tại địa chỉ nêu trên nhưng anh T không có mặt trong quá trình tố tụng và phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Trần Thị Huỳnh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên tháng 6/2017, anh T đã bỏ đi, không biết đi đâu. Chị T xác nhận từ khi bỏ đi, anh T không có về địa phương, chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ khi anh T bỏ địa phương đi.

Tháng 6/2021, chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất tích đối với anh Nguyễn Văn T. Ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ban hành Quyết định số 09/2021/QĐST –VDS, Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự tuyên bố anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại số 36/3, đường N, Phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mất tích và Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Huỳnh T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Nguyễn Văn T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 18/4/2013, khi anh T bỏ đi có dẫn theo cháu D đi cùng. Tại phiên tòa, chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị và anh T tự thỏa thuận. Trong trường hợp có yêu cầu về con chung, chị T sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; khoản 2 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huỳnh T. Chị Trần Thị Huỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị Trần Thị Huỳnh T và anh Nguyễn Văn T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 18/4/2013. Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Huỳnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005070 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Chị Trần Thị Huỳnh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải - Nguyễn Đình Đoan Hùng

Phạm Mỹ Như

